

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về thu, quản lý và sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển
đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính
phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm
2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 233/TTr-STC ngày 20 tháng
10 năm 2016.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa; quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, kinh phí hỗ trợ của trung ương để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- b) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân người nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa.

Điều 2. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

$$\text{Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa} = \text{Diện tích} \times \text{Giá đất trồng lúa} \times 100\%$$

- Diện tích: là phần diện tích chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được ghi trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền;

- Giá đất trồng lúa: là giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất từ đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa gửi kèm hồ sơ có liên quan đến việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của dự án, gửi đến Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã nếu là hộ gia đình, cá nhân; gửi đến Sở Tài chính nếu là cơ quan, tổ chức để xác định và thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách.

3. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của cơ quan tài chính; cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; kinh phí hỗ trợ của trung ương để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

1. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là khoản thu vào ngân sách tỉnh, dùng để bổ sung nguồn kinh phí phát triển đất trồng lúa.

2. Chỉ thực hiện hỗ trợ đối với diện tích đất trồng lúa nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, quyết định phân bổ khoản kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa. Trong đó, sử dụng tối thiểu 30% tổng dự toán hỗ trợ hàng năm để hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016. Số còn lại chi cho các nội dung hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và điều kiện thực tế của địa phương về: diện tích đất chưa sử dụng cần khai hoang phục hóa đưa vào sử dụng đất trồng lúa; chất lượng đất chuyên trồng lúa hoặc đất trồng lúa nước còn lại, lập phương án khai hoang phục hóa; phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa cho cả thời kỳ và từng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xem xét có ý kiến, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức được giao đất, cho thuê đất. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp ngân sách.

- Hàng năm tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ theo khoản 2 Điều 7 Nghị định 35/2015/NĐ-CP, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ cho các huyện, thị xã; hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền, có văn bản xác định cụ thể diện tích, vị trí đất chuyên trồng lúa nước chuyển thành đất phi nông nghiệp, gửi đến Sở Tài chính và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa. Hướng dẫn UBND cấp huyện xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, lập bản đồ đất trồng lúa theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa còn lại và phương án cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa hoặc đất trồng lúa nước còn lại; phương án khai hoang phục hóa do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến thực hiện việc kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm cơ sở cho các huyện, thị xã tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện: phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất nông nghiệp; thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Định kỳ hàng năm, thực hiện việc báo cáo, quyết toán nguồn kinh phí đã sử dụng theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 12 năm 2016.

Các quy định về hỗ trợ, phát triển đất trồng lúa có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi

trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án; tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất trồng lúa có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh - Truyền hình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư lưu trữ;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NN, KTKH (TT). 45

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón

